

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ML
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST

Ngày 15-5-2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Màng.

2 – Ông Lò Văn Khết.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa:** Ông Lường Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị Giàng Thị C, sinh năm 1998. Địa chỉ: Bản HH, xã MC, huyện ML, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Lầu A D, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản HH, xã MC, huyện ML, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Bùi Ngọc H, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tiểu khu 8, xã NB, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Giàng Thị C trình bày:

Chị và anh Lầu A D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 03/9/2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MC, huyện ML, tỉnh Sơn La. Quá trình

chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không tìm được tiếng nói chung, hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải, nhưng không khắc phục được, từ lâu hai vợ chồng đã không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh Lầu A D.

Về con chung: Có ba con là Lầu Thị L, sinh ngày 13/6/2014, Lầu Thị M, sinh ngày 15/7/2016 và Lầu Thị D, sinh ngày 09/12/2018. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh Lầu A D cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị có vay ông Bùi Ngọc H số tiền 47.950.000 đồng từ năm 2014, lãi suất 1,5%/tháng. Ông H yêu cầu anh chị trả số tiền 70.000.000 đồng (số tiền này không tính lãi), cụ thể chị Giàng Thị C trả 35.000.000 đồng, anh Lầu A D trả 35.000.000 đồng, chị nhất trí.

Bị đơn anh Lầu A D từ chối trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Ngọc H trình bày: Năm 2014 ông có cho vợ chồng chị Giàng Thị C, anh Lầu A D vay số tiền 47.950.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng. Đến nay chị Giàng Thị C, anh Lầu A D chưa trả được cho ông đồng nào. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế gia đình chị Giàng Thị C, anh Lầu A D khó khăn nên ông không yêu cầu tính lãi theo giấy vay nợ mà yêu cầu chị Giàng Thị C, anh Lầu A D có trách nhiệm trả cho ông tổng số tiền 70.000.000 đồng (số tiền này không tính lãi), cụ thể chị Giàng Thị C trả 35.000.000 đồng, anh Lầu A D trả 35.000.000 đồng.

Căn cứ vào ý kiến của cơ sở và các tài liệu chứng cứ trong vụ án xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Giàng Thị C và anh Lầu A D là có thật. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của chị Giàng Thị C.

Về con chung: Có ba con là Lầu Thị L, sinh ngày 13/6/2014, Lầu Thị M, sinh ngày 15/7/2016 và Lầu Thị D, sinh ngày 09/12/2018.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Không xem xét.

Về nợ chung: Anh chị có nợ ông Bùi Ngọc H số tiền 47.950.000 đồng từ năm 2014, lãi suất 1,5%/tháng. Đến nay ông H yêu cầu anh chị trả số tiền 70.000.000 đồng (số tiền này không tính lãi), chị Giàng Thị C nhất trí trả số tiền 35.000.000 đồng, còn 35.000.000 đồng yêu cầu anh Lầu A D có trách nhiệm trả nợ cho ông Hưng.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 60, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Có căn cứ để xử cho chị Giàng Thị C được ly hôn anh Lầu A D;

Về con chung: Giao cho chị Lầu Thị Chư trực tiếp nuôi các cháu Lầu Thị L, sinh ngày 13/6/2014, Lầu Thị M, sinh ngày 15/7/2016 và Lầu Thị D, sinh ngày 09/12/2018.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Đề nghị buộc chị Giàng Thị C có trách nhiệm thanh toán trả ông Bùi Ngọc H số tiền 35.000.000 đồng, anh Lầu A D có trách nhiệm thanh toán trả ông Bùi Ngọc H số tiền 35.000.000 đồng.

Chị Giàng Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Chị Giàng Thị C khởi kiện ly hôn anh Lầu A D có địa chỉ tại bản HH, xã MC, huyện ML, tỉnh Sơn La. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn chị Giàng Thị C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bùi Ngọc H đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, đã nhận được giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lầu A D sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án đã từ chối khai báo, trình bày nguyện vọng. Anh Lầu A D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong vụ án, đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Giàng Thị C và anh Lầu A D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã MC, huyện ML, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/9/2019, như vậy hôn nhân giữa chị C và anh D là hôn nhân hợp pháp

Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị C và anh D: Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không tìm được tiếng nói chung, hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống.

Tòa án nhân dân huyện ML đã tiến hành xác minh tại địa phương chị C và anh D sinh sống. Tại biên bản xác minh ngày 12/4/2023 xác nhận chị C và anh D mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, hai vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi vã.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị Giàng Thị C và anh Lầu A D đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Giàng Thị C yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị Giàng Thị C được ly hôn anh Lầu A D.

[3] Về con chung:

Có ba con là Lầu Thị L, sinh ngày 13/6/2014, Lầu Thị M, sinh ngày 15/7/2016 và Lầu Thị D, sinh ngày 09/12/2018. Căn cứ theo nguyện vọng của các cháu Lầu Thị L, Lầu Thị M và đề nghị của chị Giàng Thị C, cần giao cho chị Giàng Thị C trực tiếp nuôi các cháu Lầu Thị L, Lầu Thị M, Lầu Thị D. Chị Giàng Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Lầu A D, chị Giàng Thị C có vay ông Bùi Ngọc H số tiền 47.950.000 đồng từ năm 2014, lãi suất 1,5%/tháng. Ông Bùi Ngọc H yêu cầu anh chị trả số tiền 70.000.000 đồng (số tiền này không tính lãi), cụ thể chị Giàng Thị C trả 35.000.000 đồng, anh Lầu A D trả 35.000.000 đồng, chị Giàng Thị C nhất trí.

Thỏa thuận trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án

phí, Lệ phí Tòa án: Chị Giàng Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 60; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Giàng Thị C được ly hôn anh Lầu A D.

2. Về con chung:

Giao cho chị Giàng Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Lầu Thị L, sinh ngày 13/6/2014, Lầu Thị M, sinh ngày 15/7/2016 và Lầu Thị D, sinh ngày 09/12/2018 đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh Lầu A D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Giàng Thị C.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản riêng, tài sản chung: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung:

Buộc chị Giàng Thị C có trách nhiệm thanh toán cho ông Bùi Ngọc H số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi năm triệu đồng), số tiền này không tính lãi.

Buộc anh Lầu A D có trách nhiệm thanh toán cho ông Bùi Ngọc H số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi năm triệu đồng), số tiền này không tính lãi.

5. Về án phí: Chị Giàng Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003809 ngày 08/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh Sơn La.

Chị Giàng Thị C, anh Lầu A D, ông Bùi Ngọc H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được tính theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
 - VKSND huyện ML (2);
 - Chi cục THADS huyện ML;
 - UBND xã MC
- (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (3);
 - Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Lê Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

